

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 33

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh ướt thịt gà, xà lách xoăn, hẹ, củ sắn, nấm mèo
NT: Cháo thịt gà, củ sắn, xà lách xoăn
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt nạc vai ram rim nước dừa
- Canh bầu nấu cua đồng, nấm rom, ngò rí
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Súp tôm tươi, bông cải xanh, nấm bào ngư, su su, trứng gà, bột năng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	250	3,140	7,850
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,400	8,800
5	0004	Gạo tẻ máy	1,900	2,560	48,640
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	6,300	3,150
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0647	Bánh ướt	500	2,200	11,000
9	0207	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	20	16,500	3,300
10	0027	Củ sắn (khoai mì)	200	2,520	5,040
11	0124	Hẹ lá	50	5,570	2,785
12	0172	Rau xà lách	100	5,460	5,460
13	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
14	0537	Nước dừa non tươi	500	3,890	19,450
15	0365	Thịt heo (nạc vai)	1,800	17,850	321,300
16	0083	Bầu	800	3,990	31,920
17	0211	Nấm rom	100	13,130	13,130
18	0407	Cua đồng	500	19,430	97,150
19	0649	Bột năng	200	4,675	9,350
20	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	200	8,720	17,440
21	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
22	0180	Su su	200	3,050	6,100
23	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
24	0424	Tôm sú	600	30,980	185,880
25	0455	Sữa chua	1,650	9,440	155,760
26	0457	Sữa bột toàn phần	795.73	20,500	163,125

Tổng chợ	1,221,000
----------	-----------

Tổng tiền thực phẩm	1,221,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,221,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	15,281,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	15,281,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan